

Số: /QĐ – UBND

Hoàng Đồng, ngày tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ xã Hoàng Đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HOÀNG ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26/5/2015;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách;

Căn cứ Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước; Nghị định số 117/NĐ-CP ngày 7/10/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/1/2005 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định 99/QĐ/TW năm 2012 về Quy định chế độ chi hoạt động công tác Đảng của tổ chức cơ sở;

Căn cứ Nghị quyết 49/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của HĐND tỉnh Thanh Hóa. Quy định chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017 của Bộ tài chính về Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Căn cứ Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND, ngày 12/7/2017 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Nghị quyết số 183/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hoá khóa XVII kỳ họp thứ 9 về một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn Tỉnh Thanh Hoá;

*Căn cứ cuộc họp UBND xã mở rộng ngày 31 tháng 12 năm 2021;
Xét đề nghị của công chức Tài chính - kế toán xã.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “ Quy chế chi tiêu nội bộ UBND xã Hoằng Đồng”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký .

Công chức Văn phòng thống kê UBND xã, Công chức tài chính kế toán ngân sách xã, các ban ngành, tổ chức, cá nhân có sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách xã chịu trách nhiệm thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 2 QĐ (t/h);
- UBND huyện (b/c);
- BTV ĐU, TT HĐND xã (b/c);
- PCT UBND,
- CT MTTQ, Trưởng Đoàn thể;
- Lưu VP

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Phương

QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ XÃ HOÀNG ĐỒNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ- UBND ngày tháng 01 năm 2022
của UBND xã Hoàng Đồng)*

**Chương I
Những quy định chung**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng.

- Phạm vi áp dụng là chi thường xuyên phục vụ hoạt động của Đảng, UBND, HĐND, Đảng, các đoàn thể nhân dân, các hội thụ hưởng kinh phí từ ngân sách xã.
- Đối tượng là các tổ chức cá nhân, thuộc Đảng ủy, HĐND, UBND, các đoàn thể và các hội của xã.

Điều 2. Nguyên tắc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ.

Quy chế chi tiêu nội bộ xây dựng theo các nguyên tắc quy định thực hiện theo Thông tư số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Liên Bộ Tài chính-Bộ Nội Vụ:

- Không được vượt quá chế độ chi hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quy định;
- Phải phù hợp với hoạt động đặc thù của đơn vị;
- Phải bảo đảm cho cơ quan và cán bộ, công chức hoàn thành nhiệm vụ được giao;
- Phải bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho người lao động;
- Mọi việc chi tiêu phải bảo đảm có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp;
- Phải được thảo luận rộng rãi, dân chủ, công khai trong cơ quan;
- Các định mức chi tiêu phải phù hợp với thực tế và khả năng về kinh phí được giao của đơn vị hàng năm.

Quy chế chi tiêu nội bộ đã được thông qua cuộc họp UBND xã mở rộng ngày 31 tháng 12 năm 2021, các ban ngành, đoàn thể tham gia xây dựng nhằm phát huy tính dân chủ, tính công bằng trong chi tiêu.

**Chương II
Chi tiêu hội nghị**

Điều 3. Chi đại hội.

1. Đại hội các đoàn thể:

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017 của Bộ tài chính về Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

Mức chi Đại hội cho 5 đoàn thể chính trị như Đoàn Thanh Niên, hội phụ nữ, hội nông dân, hội cựu chiến binh, Mặt trận tổ quốc như sau:

- Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu mời dự đại hội: 70.000 đồng/đại biểu/ ngày;
- Chi tiền nước uống trong đại hội : 15.000 đồng/đại biểu/ngày;

Chi phí khác Đại hội: băng zôn, loa đài, VPP, khen thưởng, phục vụ..... có hoá đơn chứng từ kèm theo (Tùy vào công việc và khả năng của ngân sách).

2. Đại hội các hội đặc thù: Tùy vào khả năng ngân sách địa phương để hỗ trợ (Không quá 5.000.000 đồng / đại hội).

Điều 4. Chi hội nghị tổng kết, sơ kết:

1. Hội nghị tổng kết năm.

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017 của Bộ tài chính về Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

Mức chi hội nghị tổng kết cho các đoàn thể chính trị như Đoàn Thanh Niên, hội phụ nữ, hội nông dân, hội cựu chiến binh, Mặt trận tổ quốc như sau:

Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương từ NS nhà nước: 50.000 đồng/đại biểu/ ngày; (Thành phần mời tham gia hội nghị có chọn lọc).

2. Hội nghị sơ kết, tổng kết các phong trào, nhiệm vụ lớn.

Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương từ NS nhà nước: 50.000 đồng/đại biểu/ ngày; (Thành phần mời tham gia hội nghị có chọn lọc).

Chương III

Chi đảm bảo hoạt động của cơ quan Đảng

Điều 5. Chi hoạt động cơ quan Đảng.

Thực hiện theo Quyết định số 1691/QĐ-TU ngày 23/3/2010 của tỉnh Thanh Hóa hướng dẫn quy định 3115-QĐ/VPTW;

1. Chế độ chi hội nghị: Chi hội nghị tổng kết hàng năm của Đảng ủy xã, mức chi cho đại biểu: 50.000 đồng/ ngày/người.

2. Chi xây dựng báo cáo đình kỳ hàng năm trình ban chấp hành, ban thường vụ.

- Chi xây dựng chương trình làm việc hàng năm, toàn khóa, mức chi: 1000.000 đồng/văn bản.

- Chi XD báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của BCH, BTV mức chi: 500.000 đồng/báo cáo.

- Chi XD báo cáo tổng kết hàng năm của BCH, BTV mức chi: 500.000 đồng/báo cáo.

3. Quà lưu niệm: Cán bộ nghỉ công tác (Vận dụng chung cho toàn thể cán bộ, công chức xã) tặng quà lưu niệm, mức chi: 500.000 đồng/người.

Chương IV

Chi hoạt động của HĐND xã

Điều 6: Chi hoạt động của HĐND xã: (Tùy vào NS địa phương đảm bảo hoạt động HĐND)

1. Đối với Hội đồng nhân dân xã: chi theo quy định tại Nghị quyết 183/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND Tỉnh Thanh Hoá khóa XVII kỳ họp thứ 9 về một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn Tỉnh Thanh Hoá. Cụ thể:

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp xã
1	Tiền ăn cho Đại biểu (nếu ĐB dự họp không ăn thì được thanh toán bằng tiền)		
-	Họp vào ngày làm việc bình thường	đ/người/ngày	50.000
-	Họp vào ngày thứ 7, chủ nhật	đ/người/ngày	100.000
2	Bồi dưỡng Chủ tọa, Thư ký kỳ họp (ngoài chế độ tiền ăn)		
-	Chủ tọa	đ/người/ngày	100.000
-	Thư ký	đ/người/ngày	80.000
3	Bồi dưỡng đọc tài liệu cho ĐBHDND	đ/người/ngày	50.000
4	Bồi dưỡng khách mời và nhân viên phục vụ		
-	Khách mời	đ/người/ngày	50.000
-	Nhân viên phục vụ trực tiếp	đ/người/ngày	50.000
-	Nhân viên phục vụ gián tiếp	đ/người/ngày	30.000

2. Chế độ chi công tác giám sát của Thường trực HĐND, các Ban của Hội đồng nhân dân:

T	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp xã
1	Bồi dưỡng các thành viên trong đoàn giám sát		
-	Trưởng đoàn	đ/người/ngày	80.000
-	Các thành viên	đ/người/ngày	50.000
2	Bồi dưỡng công tác xây dựng kế hoạch tổ chức giám sát, báo cáo kết quả giám sát	đ/VB/đợt GS	500.000
3	Chi tổ chức cuộc họp thông qua báo cáo kết quả giám sát		
-	Chi XD báo cáo kết quả giám sát	đ/cuộc	250.000
-	Người chủ trì	đ/người/ngày	50.000
-	Thành viên dự họp	đ/người/ngày	30.000

3. Mức chi công tác thẩm tra dự thảo Nghị quyết kỳ họp HĐND:

T	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp xã
1	Chi soạn thảo báo cáo thẩm tra	đ/báo cáo	200.000
2	Chi cho cá nhân tham gia cuộc họp thẩm tra, tham gia ý kiến về nội dung cần thảo luận		

-	Người chủ trì	6 đ/cuộc họp	50.000	
-	Thành viên dự họp (theo giấy mời)	đ/người/ngày	30.000	
-	Nhân viên phục vụ trực tiếp	đ/người/ngày	25.000	
3	Chi hoàn thiện nghị quyết	đ/NQ	300.000	

4. Chi tiếp xúc cử tri theo chương trình tiếp xúc cử tri:

T	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp xã	
1	Chi hỗ trợ địa phương (tại địa điểm tiếp xúc cử tri các khoản: trang trí hội trường, thuê địa điểm và chi phí phục vụ khác)	đ/điểm/đợt	200.000	
2	Chi bồi dưỡng tham gia tiếp xúc cử tri			
-	Đại biểu HĐND; đại diện chính quyền, tổ chức	đ/lần/người	50.000	
3	Chi công tác tổng hợp BC tiếp xúc cử tri	đ/báo cáo	500.000	

5. Hỗ trợ văn phòng phẩm cho Tổ Đại biểu HĐND các cấp.

Tổ đại biểu HĐND cấp xã: 100.000đồng/tổ/năm;

Hỗ trợ trang phục cho Đại biểu HĐND xã: 2.500.000đ/ĐB/nhiệm kỳ

Công chức nhân viên phục vụ: 1.250.000 đ/người/nhiệm kỳ

6. Chi thăm hỏi, ốm đau đối với ĐB HĐND

- Đối tượng được hưởng là ĐB HĐND, cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ (chồng), chồng (vợ), con.

Mức chi:

- Đi bệnh viện tuyến huyện: 300.000đ/người (Một năm không quá 2 lần)

- Đi bệnh viện tuyến tỉnh: 500.000đ/người (Một năm không quá 2 lần)

- Đi bệnh viện tuyến trung ương: 1000.000đ/người (Một năm không quá 2 lần)

- Cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ (chồng), chồng (vợ), con ĐB HĐND từ trần: 500.000 đ/ người.

7. Đại biểu HĐND đi học hỏi kinh nghiệm giám sát tại các tỉnh, thành phố được hỗ trợ tiền xe (1 lần/1 nhiệm kỳ). (Có chứng từ đầy đủ theo quy định).

Chương V

Chi công tác phí

Điều 7. Khoản công tác phí hàng tháng đối với cán bộ chuyên trách và công chức xã.

Căn cứ thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017 của chính phủ quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

Căn cứ Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND, ngày 12/7/2017 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào điều kiện ngân sách địa phương.

- Khoản công tác phí hàng tháng đối với cán bộ chuyên trách và công chức xã: 300.000 đồng /người/ tháng/.

Điều 8. Chế độ công tác phí đối với cán bộ chuyên trách, công chức xã đi công tác trong tỉnh, ngoài tỉnh.

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017 của Bộ tài chính về Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

Căn cứ Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND, ngày 12/7/2017 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào điều kiện ngân sách địa phương.

-Khoản chi công tác phí đối với cán bộ chuyên trách, công chức xã đi công tác ngoài huyện, ngoài tỉnh có công lệnh và giấy đi đường có xác nhận của nơi đến công tác được thanh toán các khoản sau:

+Phụ cấp lưu trú: 100.000 đồng/ người/ ngày.

+Tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác: 100.000 đồng/người/ngày.

-Khoản chi công tác phí đối với cán bộ bán chuyên trách xã đi công tác trong ngoài huyện, ngoài tỉnh có công lệnh và giấy đi đường có xác nhận của nơi đến công tác: 130.000 đồng/ người/ ngày.

Chương VI

Chi VPP, điện sáng, công tác tiếp dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị.

Điều 9. Khoản chi phí văn phòng phẩm, chè nước hàng tháng cho các bộ phận, các ngành, các tổ chức đoàn thể.

Căn cứ vào khả năng ngân sách để xây dựng mức khoán kinh phí VPP (bút, giấy, sổ, bìa tài liệu, mực máy in...), chè, nước và các khoản khác cho phù hợp:

1. Văn phòng phẩm:

- Khoản chi phí văn phòng phẩm cho bộ phận Đảng uỷ là: 200.000 đồng/tháng.

- Khoản chi phí văn phòng phẩm cho bộ phận quản lý nhà nước là: Địa chính: 500.000 đồng; Kế toán: 500.000 đồng; Văn phòng và lãnh đạo UB: 500.000 đồng; chính sách XH: 200.000 đồng; văn hoá 50.000 đồng; Tư pháp: 140.000 đồng.

- Khoản chi phí văn phòng phẩm cho bộ phận HĐND là: 110.000 đồng/ tháng.

- Khoản chi phí văn phòng phẩm cho các đoàn thể chính trị là: 50.000 đồng/ tháng.

- Khoản chi phí văn phòng phẩm cho bộ phận công an là: 140.000 đồng/tháng.

- Khoản chi phí văn phòng phẩm cho xã đội là: 110.000 đồng/ tháng.

2. Chè nước:

- Đảng uỷ: 200.000 đồng/ tháng.

- Các đoàn thể chính trị : 50.000 đồng/ tháng/đoàn thể.

- VP UBND: 500.000 đồng/tháng (phòng lãnh đạo UBND, HĐND).
- Tư pháp: 50.000 đồng/tháng, văn hóa : 100.000 đồng/tháng
- Địa chính-XD: 100.000 đồng/tháng
- Kế toán - TC: 100.000 đồng/tháng
- An ninh TT: 150.000 đồng/tháng
- Xã đội: 50.000 đồng/tháng.

3. Nội quy sử dụng máy phô tô:

- Cán bộ phụ trách: Máy phô tô được giao cho cán bộ văn phòng phụ trách quản lý và sử dụng:
 - + Chỉ được phô to tài liệu cho cán bộ, công chức và bán chuyên trách trong cơ quan.
 - + Trực tiếp quản lý, vận hành máy phô tô được giao cho những cán bộ biết sử dụng khi cần thiết.
 - + Lập kế hoạch sửa chữa thay thế phụ tùng, đổ mực, bảo dưỡng máy kịp thời.
- Cán bộ có nhu cầu phô tô:
 - + Cá nhân, tổ chức trong cơ quan phô tô tài liệu tự mang theo giấy.
 - + Chỉ được phô tô tài liệu có nội dung phục vụ cho công việc của ngành mình phụ trách.
 - + Nếu phô tô nhiều phải lập kế hoạch trình chủ tịch, phó chủ tịch duyệt.
 - + Tuân thủ sự sắp xếp của người phụ trách máy.

4. Sử dụng điện trong cơ quan:

- Quy định sử dụng máy điều hòa: Khi nhiệt độ ngoài trời cao 33 độ C trở lên mới được sử dụng điều hòa nhiệt độ.
- Quy định tiết kiệm điện: Cán bộ, công chức ra khỏi phòng làm việc phải tắt máy điều hòa, ra về phải tắt hết các thiết bị điện trong phòng .

Điều 10: Chi công tác tiếp dân xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị.

- Đối tượng áp dụng: Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã, cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền giao (Bằng Quyết định) xử lý vụ việc khiếu nại, tố cáo, phải thực hiện tiếp công dân tham mưu biện pháp giải quyết.

- Mức chi:

- + Xử lý đơn thư tại trụ sở hoặc địa điểm tiếp dân:

Lãnh đạo và cán bộ công chức tham gia mỗi buổi 100.000 đồng tối đa không quá 58 ngày/năm.

Xử lý đơn: Chủ tịch UBND xã được chi 50.000 đồng/ngày tối đa không quá 52 ngày/ năm.

Chương VII

Mua sắm tài sản

Điều 11. Đối tượng được mua sắm tài sản.

- Các phòng ban Đảng ủy xã, HĐND xã, UBND xã, Các đoàn thể chính trị xã.
- Cán bộ chuyên trách, công chức xã.

Điều 12. Định mức mua sắm tài sản: Căn cứ vào nhu cầu sử dụng thực tế của đơn vị để có kế hoạch mua sắm tập trung và được phân bổ theo dự toán chi đầu năm.

Điều 13. Quản lý và sử dụng tài sản mua sắm: Theo Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công có hiệu quả, tiết kiệm.

Chương VIII

Trợ cấp khó khăn

Điều 14. Trợ cấp khó khăn cho đối tượng chính sách, thương bệnh binh, người già cả cô đơn không nơi nương tựa, người tàn tật; (Tối đa một năm không quá 2 lần).

Điều 15. Mức trợ cấp khó khăn cho từng loại đối tượng.

Đối tượng thương binh, bệnh binh người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, thân nhân liệt sỹ: 500.000 đồng/ đối tượng/ năm.

Đối tượng người già cả cô đơn không nơi nương tựa, người tàn tật: 300.000 đồng/ đối tượng / năm.

Chương IX

Khen thưởng

Căn cứ Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua khen thưởng;

Điều 16. Khen thưởng cho phong trào hoạt động trong năm.

1. Về tập thể: Mức thưởng cho một tập thể đạt được thành tích xuất sắc: 0.3 mức lương tối thiểu / tập thể/ năm;

2. Về cá nhân: Mức thưởng cho cá nhân đạt được thành tích xuất sắc: 0.15 mức lương tối thiểu / cá nhân/năm;

Điều 17. Khen thưởng cho phong trào được phát động thực hiện các nhiệm vụ chính trị do cấp trên và UBND xã phát động.

1. Về tập thể: Mức thưởng cho một tập thể đạt được thành tích xuất sắc: 500.000 đồng/ tập thể/ năm;

2. Về cá nhân: Mức thưởng cho cá nhân đạt được thành tích xuất sắc: 300.000 đồng/ tập thể/ năm;

Chương X

Trả thu nhập tăng thêm

Điều 18. Chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức.

Kết thúc năm ngân sách, sau khi hoàn thành các nhiệm vụ được giao cơ quan có số chi thường xuyên thực tế thấp hơn số dự toán được giao về kinh phí thực hiện chế độ tự chủ thì phần chênh lệch này được xác định là kinh phí tiết kiệm.

Số kinh phí tiết kiệm này được sử dụng để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ công chức với quỹ tiền lương được phép trả thu nhập tăng thêm tối đa của cả cơ quan không quá 01 lần so với quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ của đơn vị do nhà nước quy định. Sau khi xác lập quỹ tiền lương được phép trả tăng thêm nếu vẫn còn dư được sử dụng để chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể.

Phương thức trả thu nhập tăng thêm như sau: Sau khi xác định được quỹ tiền lương được phép trả tăng thêm, chủ tịch UBND xã quyết định mức chi trả cụ thể sau khi thống nhất ý kiến với tổ chức công đoàn theo nguyên tắc:

- Mức chi trả thu nhập tăng thêm được trả trực tiếp cho từng cán bộ, công chức.

- Trả thu nhập tăng thêm dựa trên hiệu suất công tác của từng cán bộ, công chức theo kết quả xếp loại công chức cuối năm.

Chương XI

Điều khoản thi hành

Điều 19. Trên đây là những định mức chi tối đa. Tuy nhiên phải căn cứ vào công việc thực tế và khả năng của ngân sách để bố trí chi cho phù hợp. Cán bộ công chức, cán bộ không chuyên trách, đại biểu HĐND xã, các ngành đoàn thể chính trị xã hội trên địa bàn xã có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc quy chế này.

Điều 20. Thời hạn thực hiện từ tháng 01 năm 2022.